

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

Bản án số: 09/2025/HS-ST

Ngày: 15/4/2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Huyền;
Bà Cà Nguyễn Duyên.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Triệu Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:*** Ông Hoàng Văn Tuấn và ông Mạc Văn Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 15/4/2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2025/TLST-HS, ngày 11/3/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HS ngày 01/4/2025 đối với bị cáo:

Hoàng Văn C, tên gọi khác: Không, sinh ngày 14/6/1993 tại huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nơi ĐKKTT: Tổ E, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; chỗ ở hiện nay: Tổ A, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn B, sinh năm 1960 và bà Trần Thị X, sinh năm 1965; vợ là Lục Thảo A, sinh năm 1999, có 02 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2023. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 13/6/2019, Công an huyện C, tỉnh Bắc Kạn ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác”, hình thức phạt tiền, mức phạt 2.500.000 đồng. Ngày 17/6/2019 đã chấp hành xong; Ngày 14/11/2019, Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản”, hình thức phạt tiền, mức phạt 2.000.000 đồng. Ngày 19/11/2019 đã chấp hành xong; Ngày 14/8/2020, Công an huyện C, tỉnh Bắc Kạn ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối về hành vi “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác”, hình thức phạt tiền, mức phạt 2.500.000 đồng. Ngày 15/4/2021 đã chấp hành xong. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/12/2024 đến

ngày 25/12/2024, áp dụng cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/12/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Lê Ngọc T, sinh năm 1987, trú tại: Tổ G, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kan.
Vắng mặt tại phiên tòa;

2. Lục Thảo A, sinh năm 1999, trú tại: Tổ A, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kan.
Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15/12/2024, Công an tỉnh B tiếp nhận tin báo về tội phạm của quần chúng nhân dân với nội dung: Hoàng Văn C, sinh năm 1993, mở quầy cầm đồ tại tổ A, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kan cho nhiều người vay tiền với lãi suất cao vượt mức cho phép của pháp luật, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương. Sau khi tiếp nhận nguồn tin, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh và xác định có Lê Ngọc T, sinh năm 1987, trú tại tổ G, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kan là người vay tiền với Hoàng Văn C. Qua làm việc, T trình bày: Vào cuối năm 2020, T vay của C số tiền 20.000.000 đồng, với lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Hàng tháng, T phải trả cho C số tiền lãi là 1.800.000 đồng. Cùng thời điểm đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành kiểm tra, làm việc với C. Qua làm việc, C thừa nhận được cho T vay tiền và thu lãi suất cao hơn quy định, đồng thời Chiến tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng. Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp đối với C tại tổ A, thị trấn Đ, huyện C. Qua khám xét phát hiện, thu giữ, tạm giữ một số đồ vật, tài liệu liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Qua điều tra xác định được hành vi “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” của Hoàng Văn C như sau: Năm 2019, C đăng ký và hành nghề kinh doanh dịch vụ cầm đồ tại tổ E, thị trấn Đ, huyện C, sau đó chuyển địa điểm kinh doanh đến tổ A, thị trấn Đ, huyện C. Khoảng giữa tháng 12/2020, do cần tiền để kinh doanh, buôn bán nên Lê Ngọc T đến gặp C hỏi vay số tiền 20.000.000 đồng, được C đồng ý và thỏa thuận lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương với mức lãi suất 108%/01 năm. Hàng tháng, T phải trả cho C số tiền lãi là 1.800.000 đồng. Khi vay tiền, C đưa cho T 20.000.000 đồng tiền mặt, không lập hợp đồng, không yêu cầu cầm cố tài sản, đồ vật gì. Sau khi vay tiền, T nhiều lần sử dụng tài khoản ngân hàng mở tại Ngân hàng B1 để chuyển tiền lãi đến số tài khoản ngân hàng của C mở tại Ngân hàng A1. Ngoài ra, có tháng T trực tiếp đến quầy cầm đồ của C để trả tiền lãi

bằng tiền mặt. Từ tháng 01/2021 đến tháng 11/2024, T đã trả cho C tổng cộng 47 tháng tiền lãi, với tổng số tiền là 83.400.000 đồng, trong đó có 45 tháng T trả đủ tiền lãi cho C là 1.800.000 đồng, tương ứng với tổng số tiền là 81.000.000 đồng, riêng tháng 6/2022 T trả cho C 1.500.000 đồng tiền lãi và tháng 7/2022 T trả cho C 900.000 đồng tiền lãi. Hiện nay, T đã trả số tiền gốc 20.000.000 đồng cho C.

Theo quy định của pháp luật, từ tháng 01/2021 đến tháng 11/2024, số tiền lãi C được phép thu đối với khoản vay trên là 15.666.666 đồng. Do đó, số tiền Chiến đã thu lợi bất chính là: 83.400.000 đồng tiền lãi đã thu - 15.666.666 đồng tiền lãi theo quy định = 67.733.334 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Hoàng Văn C khai nhận toàn bộ hành vi của bản thân như đã nêu ở trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

Tại Bản cáo trạng số: 07/CT-VKSBK-P1 ngày 09/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã truy tố Hoàng Văn C về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự (BLHS), điều luật có nội dung:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như bản Cáo trạng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm b, i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự. Phạt tiền bị cáo Hoàng Văn C từ 60 đến 70 triệu đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Phạt bổ sung: Cấm bị cáo kinh doanh dịch vụ cầm đồ trong thời hạn từ 02 đến 03 năm. Buộc bị cáo nộp lại ngân sách Nhà nước số tiền gốc của khoản vay là 20.000.000 đồng và số tiền lãi suất 20% theo mức quy định là 15.666.666 đồng. Vật chứng: Tịch thu, hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động iPhone của bị cáo; tịch thu tiêu hủy các giấy tờ không có giá trị; tạm giữ số tiền 10.500.000 đồng để đảm bảo việc thi hành án cho bị cáo. Buộc bị cáo chịu án phí theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh và điều luật là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có căn cứ để khẳng định:

Tháng 12/2020, [Hoàng Văn C](#) cho [Lê Ngọc T](#) vay số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương mức lãi suất 108% (Một trăm linh tám phần trăm)/01 năm, cao gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Hàng tháng, [T](#) phải trả cho [C](#) số tiền lãi là 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng). Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2021 đến tháng 11/2024, [T](#) đã trả cho [C](#) 47 (Bốn mươi bảy) tháng tiền lãi với tổng số tiền là 83.400.000đ (Tám mươi ba triệu, bốn trăm nghìn đồng). Sau khi trừ đi 20% mức lãi suất theo quy định thì [C](#) đã thu lợi bất chính tổng số tiền 67.733.334đ (Sáu mươi bảy triệu, bảy trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi tư đồng).

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 BLHS. Việc cáo trạng truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật, đã xâm phạm trực tiếp đến các quy định của Nhà nước về trật tự quản lý kinh tế và hoạt động cho vay tín dụng, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương. Do đó, cần xử lý bị cáo theo quy định của BLHS mới đủ sức răn đe và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

Bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo đã tự nguyện trả lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính cho người vay và được người vay xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i và s khoản 1 Điều 51 BLHS, đó là “*Tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả*”, “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” và “*Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”. Ngoài ra, bị cáo còn có bà ngoại là bà [Lục Thị D](#) là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba. Do vậy, bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Trên cơ sở xem xét toàn diện nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm, tính chất hành vi phạm tội của bị cáo. HĐXX thấy rằng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng, động cơ mục đích phạm tội là vì vụ lợi. Căn cứ nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự quy định tại Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì xem xét áp dụng nghiêm khắc hình phạt tiền là hình phạt chính. Do đó, để đảm bảo tuân thủ nguyên tắc và nhằm thu hồi các khoản tiền vi phạm về cho Ngân sách Nhà nước, HĐXX thấy cần thiết áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, hoạt động kinh doanh dịch vụ cầm đồ thường phát sinh tội phạm “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Động cơ mục đích phạm tội của bị cáo nhằm thu lợi bất chính. Do vậy, cần áp dụng hình phạt bổ sung là cấm bị cáo kinh doanh dịch vụ cầm đồ trong thời hạn nhất định.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án không đề nghị giải quyết, do vậy HĐXX không xem xét.

[7] Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền gốc của khoản vay, xác định đây là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu, nộp vào Ngân sách Nhà nước. Hiện nay, khoản tiền gốc đã được người vay tiền trả hết cho bị cáo, nên bị cáo có trách nhiệm phải nộp lại vào ngân sách Nhà nước. Đối với khoản tiền thu lợi bất chính, bị cáo đã trả lại toàn bộ số tiền 67.733.334 đồng cho anh [Lê Ngọc T](#), anh [T](#) đã xác nhận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét. Đối với khoản tiền lãi 20% theo quy định, cần buộc bị cáo có trách nhiệm nộp vào ngân sách Nhà nước, vì đây là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội.

[8] Về xử lý vật chứng:

8.1 Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone của bị cáo. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định bị cáo sử dụng chiếc điện thoại này để ghi chép, theo dõi giao dịch cho vay và trả lãi của người vay. Xét thấy cần tịch thu, hóa giá sung quỹ Nhà nước;

8.2 Đối với các mẫu giấy tờ vay tiền, mua bán chuyển nhượng xe máy và hợp đồng cho thuê xe máy, không liên quan đến vụ án, bị cáo không đề nghị trả lại. Xét thấy, vật chứng không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy;

8.3 Đối với số tiền 10.500.000 đồng tạm giữ của bị cáo. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, xác định số tiền này là tài sản chung của bị cáo và vợ là chị [Luc Thảo A](#), không liên quan đến hành vi phạm tội. Tại phiên tòa, chị [A](#) đề nghị HĐXX tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo. Xét thấy, cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án cho bị cáo.

[9] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn: Xét thấy, các căn cứ, lập luận và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật, được chấp nhận.

[10] Các nội dung khác của vụ án:

10.1 Qua điều tra xác định ngoài [Lê Ngọc T](#) thì [Hoàng Văn C](#) còn cho một số người khác vay tiền với lãi suất vượt quá quy định của pháp luật gồm: Khoảng tháng 8/2021, [Hoàng Văn C](#) cho [Nông Thanh G](#), sinh năm 1993, trú tại [tổ B, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn](#) vay số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng /1.000.000 đồng/1 ngày, trả lãi theo tháng, mỗi tháng 2.200.000 đồng. Đến tháng 4/2022, [G](#) trả số tiền gốc 25.000.000 đồng cho [C](#). [C](#) đã thu của [G](#) 07 tháng tiền lãi tương đương với số tiền 15.400.000 đồng, thu lời bất chính số tiền 12.483.334 đồng; Khoảng tháng 3/2023, [Hoàng Văn C](#) cho [Hà Mạnh D1](#), sinh năm 1985, trú tại [thôn A, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn](#) vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày. Đến tháng 10/2023, [D1](#) đã thanh toán xong toàn bộ tiền gốc và tiền lãi của 07 tháng cho [C](#), tổng số tiền lãi [C](#) đã thu của [D1](#) là 5.250.000 đồng. Tuy nhiên, các khoản vay trên đã kết thúc, tiền thu lời bất chính đều dưới 30 triệu đồng và đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với [C](#) về các khoản cho vay nói trên là có căn cứ.

10.2 Qua kiểm tra phân ứng dụng “Ghi chú” trong điện thoại di động và kiểm tra sao kê tài khoản ngân hàng của [Hoàng Văn C](#) còn phát hiện một số nội dung thể hiện việc [C](#) cho nhiều người khác vay tiền. Tuy nhiên, [C](#) khai những lần cho vay đó [C](#) không tính lãi hoặc tính lãi đúng quy định của pháp luật. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xác minh, lấy lời khai được một số người vay tiền của [C](#) thì những người này khai phù hợp với lời khai của [C](#), ngoài ra không xác định được nhân thân, địa chỉ cụ thể của những người vay tiền khác nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xem xét xử lý là đúng quy định.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo [Hoàng Văn C](#) phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm b, i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự. Phạt tiền bị cáo [Hoàng Văn C](#) 60.000.00đ (Sáu mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Cấm bị cáo kinh doanh dịch vụ cầm đồ trong thời hạn 02 (Hai) năm, kể từ ngày Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

3. Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46 Bộ luật Hình sự.

3.1. Buộc bị cáo [Hoàng Văn C](#) phải nộp lại ngân sách Nhà nước số tiền gốc của khoản vay là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng);

3.2. Buộc bị cáo [Hoàng Văn C](#) nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền lãi suất 20% theo mức quy định là 15.666.666đ (Mười năm triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

4.1. Tịch thu, hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone, màu xanh đen, điện thoại cũ, đã qua sử dụng của bị cáo [Hoàng Văn C](#);

4.2. Tịch thu, tiêu hủy: 14 (Mười bốn) tờ hợp đồng vay tiền, [Cơ sở H1](#), Tổ 5 – [T1](#), ĐT: 0869828292; 46 (Bốn mươi sáu) tờ mẫu giấy mua bán chuyển nhượng xe máy và 27 (Hai mươi bảy) tờ mẫu hợp đồng cho thuê xe máy;

4.3. Tạm giữ số tiền 10.500.000đ (Mười triệu, năm trăm nghìn đồng) để đảm bảo việc thi hành án cho bị cáo [Hoàng Văn C](#).

(Tình trạng vật chứng theo như biên bản giao nhận vật chứng giữa [Công an tỉnh B](#) và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn).

5. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo [Hoàng Văn C](#) phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 – TANDTC;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh;
- Phòng Hình sự CA tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- THAHS;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Khánh Phương